

BÁO CÁO

Kết quả giám sát chuyên đề việc thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2020 - 2024

Thực hiện Nghị quyết số 24/NQ-TTHĐND ngày 07/3/2024 của Thường trực HĐND tỉnh về thành lập Đoàn giám sát; Kế hoạch số 60/KH-ĐGS ngày 08/4/2024 của Đoàn giám sát Thường trực HĐND tỉnh “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2020 - 2024”, Đoàn giám sát của Thường trực HĐND tỉnh đã tiến hành giám sát 34 cơ quan, đơn vị, địa phương¹; kết quả giám sát như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Trên cơ sở các văn bản của Trung ương, tình hình thực tế của tỉnh, UBND tỉnh đã chủ động tham mưu với Tỉnh ủy, HĐND ban hành nhiều văn bản² cụ thể hóa các chủ trương, chính sách, quy định của trung ương, của tỉnh liên quan đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo (GD&ĐT), đồng thời tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai, thực hiện. Với chức năng nhiệm vụ được giao, Sở Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành có liên quan, chủ động tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện các chính sách pháp luật về giáo dục và đào tạo phù hợp với điều kiện của tỉnh; đồng thời hướng dẫn các địa phương, cơ quan, đơn vị thực hiện đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trên địa bàn. UBND các huyện, thành phố, thị xã đã tập trung chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các Kế hoạch, Đề án của tỉnh và trực tiếp ban hành các kế hoạch triển khai, tổ chức thực hiện các chính sách pháp luật về giáo dục và đào tạo phù hợp với địa phương mình.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các chủ trương, chính sách, pháp luật về lĩnh vực giáo dục, đào tạo được UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố chú trọng và tích cực triển khai với nhiều nội dung và hình thức phong phú, phù hợp với tình hình thực tế địa phương³. Từ đó, tạo được sự đồng thuận cao trong cấp ủy, chính quyền và các tổ chức đoàn thể, sự

¹Đoàn đã giám sát trực tiếp tại: 20 cơ quan, địa phương, đơn vị; giám sát qua báo cáo 14 cơ quan, địa phương, đơn vị.

² Gồm: 03 văn bản của Tỉnh ủy, 17 Nghị quyết của HĐND tỉnh, 30 văn bản của UBND tỉnh.

³Đăng tải các văn bản liên quan đến GD&ĐT lên cổng thông tin điện tử của tỉnh, của ngành; tuyên truyền trực tiếp qua các hội nghị, cuộc họp, các buổi chào cờ đầu tuần, loa phát thanh của trường, qua địa chỉ email, zalo...

ủng hộ của Nhân dân, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong quá trình tổ chức thực hiện.

Việc phân cấp, ủy quyền trong quản lý nhà nước (QLNN) trong lĩnh vực GD&ĐT đã được UBND tỉnh chỉ đạo, thực hiện⁴, đảm bảo công tác QLNN được thống nhất, hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi, tính chủ động cho các đơn vị, địa phương; thực hiện đồng bộ phân cấp quản lý về giáo dục theo hướng phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn gắn với công tác kiểm tra. Theo đó, các cơ sở giáo dục quản lý hiệu quả về kế hoạch giáo dục, tài chính, tài sản, đội ngũ, hoạt động chuyên môn; chủ động khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn lực để nâng cao chất lượng giáo dục.

Công tác thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ được thực hiện thường xuyên, bảo đảm đúng trình tự, thủ tục theo luật định. Hằng năm, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở GD&ĐT thực hiện nghiêm túc công tác thanh tra, kiểm tra; xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra định kỳ; gắn thanh tra hành chính với thanh tra chuyên ngành đảm bảo tính toàn diện, trọng tâm, trọng điểm; tăng cường thanh tra, kiểm tra chuyên đề, đột xuất, những vấn đề gây bức xúc trong dư luận, những lĩnh vực dễ xảy ra sai phạm như: Việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; quy định công khai minh bạch trong trường học; việc thực hiện các khoản thu, chi trong trường học; việc dạy thêm, học thêm ... Từ năm 2020 đến tháng 3/2024, đã tổ chức 101 cuộc thanh tra, kiểm tra. Qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện và chỉ rõ những tồn tại, hạn chế và kiến nghị, yêu cầu các đơn vị trường học chấn chỉnh, điều chỉnh bổ sung, khắc phục kịp thời.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Về tổ chức bộ máy, quy mô mạng lưới trường lớp của các cơ sở giáo dục- đào tạo

1.1. Về tổ chức bộ máy, biên chế công chức của cơ quan quản lý giáo dục và số lượng người làm việc của các cơ sở giáo dục công lập

Việc quản lý, sử dụng và giao biên chế của ngành giáo dục và đào tạo (gồm biên chế công chức và số lượng người làm việc) được thực hiện theo đúng chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật, sự lãnh đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, nghị quyết của HĐND tỉnh và quyết định của UBND tỉnh. Công tác quản lý, sử dụng và giao biên chế hằng năm của các cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo

⁴ Gồm: Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 của UBND tỉnh về Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, số lượng người làm việc, vị trí việc làm của tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 07/4/2022 của UBND tỉnh về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều tại Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, số lượng người làm việc, vị trí việc làm của tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2021 Quy định một số nội dung về phân công, phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình.

dục công lập đã bám sát lộ trình tinh giản biên chế giai đoạn 2022 - 2026, có tính đến số lượng biên chế dự phòng để thực hiện tinh giản hằng năm và cho cả giai đoạn. Việc giao biên chế cho các cơ sở giáo dục, đào tạo được thực hiện trên cơ sở căn cứ vào quy mô, mạng lưới trường, lớp, học sinh tại các địa phương. Công tác tuyển dụng được thực hiện nghiêm túc, công khai, minh bạch, dân chủ; chất lượng đội ngũ giáo viên, nhân viên tuyển mới đảm bảo.

Tính đến thời điểm giám sát, biên chế sự nghiệp ngành giáo dục và đào tạo được giao là 16.569 biên chế (so với biên chế cần có theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo là 19.485 biên chế, còn thiếu 2.916 biên chế); số hợp đồng giáo viên theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ là 1.144 chỉ tiêu. Tổng số biên chế sự nghiệp hiện có mặt là 15.886 biên chế (trong đó có 1.315 lãnh đạo quản lý, 12.550 giáo viên, 2.021 nhân viên) và 1.042 giáo viên hợp đồng được bố trí ở các cấp/bậc học. Đội ngũ lãnh đạo quản lý, giáo viên, nhân viên trong các cơ sở giáo dục cơ bản đã được chuẩn hóa về trình độ chuyên môn, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ nên được bố trí đúng với chuyên môn theo đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

(Có phụ lục số 1 kèm theo)

Để giải quyết vấn đề thiếu giáo viên, tỉnh đã kịp thời chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp như tổ chức sắp xếp lại mạng lưới trường, lớp; một số nơi tổ chức cho giáo viên dạy liên trường, liên cấp; triển khai thực hiện Nghị quyết số 102/NĐ-CP ngày 03/7/2020 của Chính phủ về giải pháp đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế, một số địa phương đã thực hiện hợp đồng giáo viên có thời hạn dưới 12 tháng trong số biên chế chưa tuyển dụng; UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê duyệt bổ sung biên chế giáo viên cho năm học 2022 - 2023 là 152 biên chế, năm học 2023 - 2024 là 291 biên chế; bổ sung hợp đồng giáo viên theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ năm 2023 là 743 chỉ tiêu, năm 2024 là 1.144 chỉ tiêu cho ngành giáo dục, qua đó đã góp phần giảm bớt thực trạng thiếu giáo viên hiện nay.

1.2. Việc thực hiện chế độ, chính sách đối với đội ngũ quản lý giáo dục, nhà giáo, nhân viên tại các cơ sở giáo dục công lập

Việc thực hiện chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức và người lao động đang công tác, làm việc trong hệ thống các cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục công lập được thực hiện đầy đủ, kịp thời, minh bạch, đúng quy định của pháp luật. Trong những năm qua, các sở, ngành đã tích cực, chủ động tham mưu cho UBND tỉnh, HĐND tỉnh ban hành một số chính sách hỗ trợ cho đội ngũ quản lý giáo dục, giáo viên và người lao động tại các cơ sở giáo dục như Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND ngày 09/9/2022 quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, Nghị quyết số

48/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, ... Các chế độ, chính sách do tỉnh ban hành được các cơ sở giáo dục, phụ huynh, học sinh và xã hội đồng tình ủng hộ, qua đó phát huy được hiệu quả trong thực tế, tạo cơ sở pháp lý và tăng cường công khai, minh bạch trong quản lý tài chính tại các cơ sở giáo dục.

1.3. Quy mô mạng lưới trường lớp và việc sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục

- Về Quy mô mạng lưới trường lớp: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 552 cơ sở giáo dục, trong đó: 180 trường Mầm non (có 13 trường ngoài công lập); 174 trường Tiểu học (01 trường ngoài công lập); 166 trường Trung học cơ sở, Trường Tiểu học và Trung học cơ sở; 32 Trường Trung học phổ thông, Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông (trong đó có 01 trường THCS&THPT ngoài công lập); ngoài ra có 03 Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật tại thành phố Đồng Hới, các huyện Lệ Thủy, Quảng Trạch cấp tiểu học. Hệ thống trường mầm non và phổ thông được tổ chức đầy đủ tại tất cả các đơn vị hành chính trong tỉnh theo quy định. Vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có diện tích rộng, giao thông đi lại cách trở, dân số ít đã được tổ chức thành các điểm trường đảm bảo thuận lợi cho học sinh trong việc học tập. Hệ thống cơ sở giáo dục được tổ chức đã đảm bảo cho mọi trẻ em, học sinh trong độ tuổi đều có điều kiện đến trường tham gia học tập.

- Về sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục công lập: UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện rà soát và sắp xếp, tổ chức lại các trường mầm non, các trường phổ thông, hình thành trường phổ thông nhiều cấp học và thu gọn các điểm trường. Từ năm 2020 - 2023, đối với trường thuộc UBND cấp huyện quản lý (mầm non, TH, THCS), toàn tỉnh đã giảm từ 538 đơn vị công lập xuống còn 520 đơn vị, giảm 18 đơn vị. Đối với các trường THPT công lập, chỉ thực hiện giảm số lượng tổ chức cấu thành bên trong, theo đó tại 31 trường đã sắp xếp 288 tổ chuyên môn xuống 215 tổ, giảm 73 tổ.

1.4. Việc thực hiện xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

Việc xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia đã được các cấp, ngành quan tâm, tập trung chỉ đạo và phối hợp triển khai thực hiện. UBND tỉnh kịp thời ban hành kế hoạch cũng như các văn bản chỉ đạo xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia hàng năm và theo giai đoạn⁵; các địa phương đã chú trọng tập trung nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho hệ thống các trường trực thuộc phân đầu tăng số lượng trường đạt chuẩn quốc gia theo quy định.

Đến nay trên địa bàn tỉnh có 290/552 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt 52,5%, trong đó mầm non có 84/180, đạt 46,7%; tiểu học có 99/174, đạt 56,9%; trung học

⁵ UBND tỉnh đã ban hành Quyết định 2764/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 phê duyệt Đề án xây dựng trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025.

cơ sở có 92/166, đạt 55,4%; trung học phổ thông có 15/32, đạt 46,9%. Trong giai đoạn giám sát, một số địa phương có số lượng trường đạt chuẩn quốc gia tăng cao như huyện Lệ Thủy từ 41 trường lên 70 trường, tăng thêm 29 trường, huyện Quảng Ninh từ 22 trường lên 36 trường, tăng thêm 14 trường, thị xã Ba Đồn từ 33 trường lên 45 trường, tăng thêm 12 trường.

(Có phụ lục số 2 kèm theo)

1.5. Việc khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục ngoài công lập

Hệ thống các cơ sở giáo dục ngoài công lập tiếp tục mở rộng và phát triển, đáp ứng được một phần nhu cầu học tập của xã hội. Đến nay trên địa bàn tỉnh có 13 trường MN và 01 trường TH, 01 trường THCS và THPT ngoài công lập đang hoạt động, với khoảng 650 lãnh đạo quản lý giáo dục, giáo viên và nhân viên làm việc; thu hút khoảng 4.000 trẻ mầm non, 500 học sinh TH và 160 học sinh THCS/năm học. Tuy quy mô trường, lớp và số lượng người làm việc tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập còn rất hạn chế, nhưng nhìn chung các cơ sở giáo dục ngoài công lập đã được đầu tư cơ sở vật chất đảm bảo theo quy định, một số cơ sở được đầu tư khang trang, hiện đại. Việc phát triển giáo dục ngoài công lập mới chỉ dừng lại chủ trương chung, tỉnh chưa có chính sách đặc thù để hỗ trợ, động viên, khuyến khích các doanh nghiệp khu vực tư đầu tư thành lập mới các cơ sở giáo dục ngoài công lập.

2. Về chất lượng giáo dục - đào tạo; quản lý việc dạy thêm, học thêm

2.1. Về quản lý, nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo

Chất lượng giáo dục đại trà và chất lượng giáo dục mũi nhọn trong những năm qua có bước tiến bộ vững chắc, dần đi vào thực chất, phản ánh đúng chất lượng của các địa phương, đơn vị. Chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ ngày càng được nâng cao; 100% trường mầm non, nhóm trẻ tư thục thực hiện đầy đủ các chủ đề, chương trình GDMN. Học sinh hoàn thành chương trình môn học, chương trình rèn luyện đạt từ 95% trở lên. Chất lượng GDPT cơ bản được giữ vững, chất lượng thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia năm học 2023-2024 đã có chuyển biến tích cực, với 47 học sinh đạt giải.

(có phụ lục số 03 kèm theo)

Các cơ sở giáo dục - đào tạo đã thực hiện đúng hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, thường xuyên có sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra của cấp trên, vì vậy việc dạy học đã đảm bảo nền nếp, kỷ cương học đường; tập trung đổi mới phương pháp quản lý, dạy học, kiểm tra đánh giá theo phẩm chất, năng lực người học... Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đạt kết quả đáng ghi nhận. Năm 2022 Bộ Giáo dục - Đào tạo đã công nhận tỉnh Quảng Bình đạt chuẩn phổ cập GDTH mức độ 3, chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3 và chuẩn xóa mù chữ mức độ 2, đây là

mức độ cao nhất theo quy định của phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và tinh ta nằm trong số 5 tỉnh, thành phố đầu tiên trong cả nước đạt được kết quả này.

2.2. Về thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đã được triển khai thực hiện một cách đồng bộ, đúng lộ trình. UBND tỉnh ban hành kịp thời, đầy đủ các văn bản chỉ đạo xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, chuẩn bị các điều kiện phục vụ cho Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh đã chủ động nắm bắt, chuẩn bị chu đáo cho việc triển khai Chương trình, tổ chức xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình và bố trí dạy học trong mỗi học kỳ một cách hợp lý, khoa học; chương trình các môn học tích hợp triển khai thực hiện theo đúng hướng dẫn; đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, đánh giá người học ngay trong quá trình học, theo dõi kết quả từng giai đoạn. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đội ngũ giáo viên cơ bản đáp ứng được Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

2.3. Giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau THCS

UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch phân luồng học sinh; ban hành kế hoạch tuyển sinh vào các lớp đầu cấp của từng năm học. Công tác tuyển sinh, phân luồng học sinh được thực hiện nghiêm túc, khách quan, công bằng, đúng quy chế. Ngành giáo dục đã tích cực đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục hướng nghiệp; triển khai đầy đủ các hoạt động giáo dục và tư vấn hướng nghiệp cho học sinh, xây dựng nội dung tích hợp và hướng dẫn giáo viên thực hiện sát với thực tiễn địa phương; nội dung, hình thức giáo dục hướng nghiệp thường xuyên được đổi mới thông qua các môn học và hoạt động giáo dục trong nhà trường; đội ngũ giáo viên kiêm nhiệm làm công tác hướng nghiệp trong các cơ sở giáo dục được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng.

Hiện nay, 100% trường phổ thông có Chương trình Giáo dục hướng nghiệp gắn với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương; 100% các trường phổ thông có giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ. Năm 2023, có 9,26 % học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp; 25,81% học sinh tốt nghiệp THPT tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng.

2.4. Quản lý việc dạy thêm, học thêm

UBND tỉnh đã ban hành quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh; Sở GD&ĐT đã ban hành nhiều văn bản chấn chỉnh hoạt động dạy thêm, học thêm. UBND các huyện, thị xã, thành phố trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình đã ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện đến các trường học.

- Đối với quản lý dạy thêm, học thêm trong nhà trường: Việc dạy thêm, học thêm thực hiện đúng quy định. Trên cơ sở nhu cầu nguyện vọng của học sinh, phụ huynh, sự đồng thuận thống nhất giữa nhà trường với Ban đại diện cha mẹ học sinh, các cơ sở giáo dục đã xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy thêm, học thêm theo đúng các quy định hiện hành; lưu trữ đầy đủ hồ sơ quản lý dạy thêm, học thêm tại đơn vị theo quy định. Bố trí cơ sở vật chất đảm bảo an toàn cho người dạy và người học và đảm bảo phục vụ việc đổi mới dạy và học. Bố trí thời khóa biểu dạy thêm, học thêm cơ bản phù hợp với nhu cầu của học sinh và điều kiện của nhà trường.

- Đối với quản lý dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường: Việc quản lý giáo viên dạy thêm ngoài nhà trường còn gặp nhiều khó khăn, do sau khi công bố hết hiệu lực một số điều của Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT, Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa có văn bản hướng dẫn, chỉ đạo mới về việc quản lý, tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm⁶. Vì vậy, cơ quan quản lý không có căn cứ để hướng dẫn, chỉ đạo và thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm liên quan những quy định này.

3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị; phân bổ, quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước và huy động các nguồn lực trong hoạt động giáo dục - đào tạo

3.1. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

Đã triển khai thực hiện hiệu quả các Chương trình, đề án, dự án liên quan thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo nhằm tăng trưởng cơ sở vật chất trường học. Tỷ lệ kiên cố hóa trường lớp học tăng dần qua các năm, đầu năm học 2023-2024 toàn tỉnh có 7.488 phòng học các cấp mầm non, tiểu học, THCS, THPT, trong đó số phòng học kiên cố 6.745 phòng, đạt tỷ lệ 90,07 %. Cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng nhu cầu dạy và học; bình quân toàn tỉnh, tỷ lệ kiên cố hoá phòng học thông thường, bộ môn đối với cấp học phổ thông đạt 83,5%; toàn tỉnh có 14 phòng hỗ trợ giáo dục khuyết tật học hòa nhập tại các trường tiểu học; tổ chức rà soát, đầu tư cải tạo, xây dựng nhà vệ sinh và cung cấp nước sạch trong trường học cơ bản đảm bảo...

Việc bố trí quỹ đất dành cho các cơ sở giáo dục - đào tạo cơ bản đảm bảo theo quy hoạch, kế hoạch phát triển giáo dục - đào tạo tại địa phương.

Kịp thời tiến hành rà soát thiết bị trường học và công tác dồn ghép các điểm trường lẻ của các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông. Quan tâm đầu tư trang thiết bị dạy học, đồ chơi ngoài trời cho các lớp mầm non 5 tuổi. Tập trung đầu tư trang thiết bị dạy học phục vụ đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, phòng học ngoại ngữ, phòng học bộ môn theo hướng chuẩn hóa và hiện đại hóa.

⁶Các điều của Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT hết hiệu lực liên quan đến các quy định về tiêu chuẩn người dạy thêm, người tổ chức dạy thêm; cơ sở vật chất phục vụ dạy thêm, học thêm; thẩm quyền, hồ sơ, thủ tục cấp phép và gia hạn giấy phép tổ chức dạy thêm, học thêm

3.2. Về phân bổ, quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước; tình hình thu, quản lý học phí tại các cơ sở giáo dục công lập

Trên cơ sở Nghị quyết của HĐND tỉnh và Quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hằng năm của UBND tỉnh và các chương trình, dự án liên quan, các cơ sở giáo dục và đào tạo đã kịp thời xây dựng dự toán thu, chi ngân sách của đơn vị mình. Giai đoạn 2020-2024, tổng ngân sách nhà nước chi cho ngành giáo dục và đào tạo là 16.535.601 triệu đồng chiếm 34,09% tổng chi ngân sách địa phương⁷.

(có phụ lục số 04 kèm theo)

Ngân sách chi cho giáo dục và đào tạo được tỉnh và các địa phương đặc biệt quan tâm; việc phân bổ, quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp giáo dục và đào tạo, các chế độ chính sách cho giáo viên, học viên, học sinh được thực hiện đúng quy định. Việc xây dựng dự toán được thực hiện từ cơ sở, đảm bảo tính đúng, tính đủ chế độ của cán bộ, giáo viên và học sinh.

Hằng năm, việc triển khai phân bổ, sử dụng và quản lý vốn đầu tư phát triển cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh đảm bảo chặt chẽ và hiệu quả. Việc bố trí vốn cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo đảm bảo các tiêu chí, theo phân cấp và định mức phân bổ theo quy định. Nguồn vốn bố trí để đầu tư cho giáo dục và đào tạo được bố trí từ ngân sách tỉnh, đồng thời lồng ghép từ các Chương trình mục tiêu Quốc gia. Các địa phương, đơn vị đã tích cực chủ động bố trí kinh phí; huy động các nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng trường, lớp học, mua sắm thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin, thiết bị dạy và học trong các trường phổ thông theo hướng chuẩn hóa, hiện đại.

Giai đoạn 2020-2024, HĐND tỉnh đã ban hành 07 nghị quyết quy định thu học phí⁸, trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định cụ thể hóa các khoản thu, từng bước đưa hoạt động thu, chi trong trường học vào nền nếp, minh bạch, dân chủ, kỷ cương. Từ nguồn thu học phí, các đơn vị tạo nguồn để thực hiện cải cách tiền lương, bổ sung chi các hoạt động chuyên môn, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ việc dạy và học. Nhìn chung, việc thực hiện thu, quản lý, sử dụng học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập cơ bản thực hiện đảm bảo đúng quy định.

⁷ Trong đó (Năm 2020: 3.211.314 triệu đồng, chiếm 27,31%; năm 2021: 3.205.229 triệu đồng, chiếm 26,34% ; năm 2022: 3.191.454 triệu đồng, chiếm 27,16%; năm 2023: 3.697.989 triệu đồng, chiếm 30,99%; năm 2024: 3.229.616 triệu đồng, chiếm 33,83% tổng chi ngân sách địa phương).

⁸ Quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2020-2021; về kéo dài thời gian áp dụng các nghị quyết của HĐND tỉnh để thu học phí năm học 2021-2022; Quy định về thu học phí năm học 2022 - 2023, năm 2023 - 2024; không thu học phí học kỳ II năm học 2022 - 2023; Quy định về học phí học kỳ II năm học 2023 - 2024; Bãi bỏ quy định về mức thu học phí.

3.3. Việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực xã hội hóa để phát triển giáo dục ở địa phương

Việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực xã hội hóa đã được tuyên truyền rộng rãi đến các nhà đầu tư, nhà tài trợ cũng như phụ huynh, học sinh. Giai đoạn 2020-2024, bên cạnh sự ủng hộ, đóng góp của phụ huynh, học sinh, ngành giáo dục và đào tạo đã huy động được nhiều sự ủng hộ từ các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm, quản lý tốt nguồn huy động từ các Tổ chức Phi chính phủ nước ngoài với tổng số 20 dự án, kinh phí huy động 5.469.396 USD (tương đương 137 tỷ đồng).

Việc kêu gọi đầu tư, xã hội hóa giáo dục được thực hiện tốt ở những địa bàn đô thị, đông dân cư như Đồng Hới, Ba Đồn, Lệ Thủy; các huyện Tuyên Hóa, Minh Hóa do điều kiện khó khăn, dân số ít nên khó thực hiện việc xã hội hóa.

4. Việc thực hiện chính sách, pháp luật về đào tạo nghề

4.1. Việc thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý

Hệ thống cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh được tổ chức đa dạng về trình độ đào tạo, ngành nghề đào tạo, hình thức đào tạo, với sự tham gia của các cơ sở đào tạo nghề công lập và cơ sở đào tạo nghề ngoài công lập cùng đồng hành phát triển. Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 04 trường cao đẳng nghề, trong đó có 01 trường cao đẳng nghề do cơ quan TW quản lý, 08 Trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện, 02 trường trung cấp nghề ngoài công lập, 01 trường trung cấp nghề thuộc cơ quan TW quản lý, 01 doanh nghiệp và 03 đơn vị khác có tham gia đào tạo nghề dưới 03 tháng. Thực hiện chủ trương về đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, tỉnh đã thực hiện sáp nhập Trường Trung cấp Kinh tế Quảng Bình vào Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công - Nông nghiệp Quảng Bình; dự kiến trong 2024 thực hiện sáp nhập Trung tâm GDNN-GDTX thành phố Đồng Hới vào Trung tâm GDTX tỉnh và Trường Cao đẳng Nghề Quảng Bình.

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã sắp xếp, tổ chức lại các tổ chức bên trong nhằm giảm đầu mối, tinh gọn bộ máy. Quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, các trường đã chấm dứt hoạt động, sáp nhập những khoa đào tạo ngành nghề xã hội có nhu cầu hạn chế, tập trung phát triển các khoa đào tạo nghề theo định hướng phát triển của tỉnh như du lịch - dịch vụ, cơ khí, điện, xây dựng, ... và theo nhu cầu của xã hội như đào tạo lái xe ô tô (đào tạo lái xe ô tô vẫn là lĩnh vực đào tạo tạo nguồn thu quan trọng cho các cơ sở đào tạo nghề). Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã sắp xếp lại các đơn vị trực thuộc đảm bảo giảm đầu mối và số lượng người làm việc theo quy định, qua sắp xếp Trường Cao đẳng Nghề Quảng Bình giảm 03 đơn vị cấp khoa, phòng, Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công - Nông nghiệp Quảng Bình giảm 01 đơn vị cấp khoa,...

4.2. Tình hình, kết quả thực hiện công tác đào tạo nghề

Công tác phát triển nguồn nhân lực, giáo dục nghề nghiệp được các cấp, các ngành ngày càng quan tâm chỉ đạo, tích cực triển khai với nhiều giải pháp quyết liệt, Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh ban hành các chương trình, nghị quyết liên quan đến công tác đào tạo nghề, đồng thời ban hành kế hoạch, đề án để triển khai thực hiện các chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh⁹. Từ năm 2020 - 2023, các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh đã tổ chức đào tạo nghề cho 56.435 người, trong đó trình độ cao đẳng: 269 người, trình độ trung cấp: 3.190 người, trình độ sơ cấp và đào tạo nghề dưới 3 tháng: 52.976 người.

(có phụ lục số 05 kèm theo)

Chất lượng đào tạo một số ngành nghề được cải thiện (tỷ lệ HSSV tốt nghiệp có việc làm hoặc tự tạo việc làm ngày càng tăng, mức thu nhập khá)¹⁰, góp phần phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh, hình thành đội ngũ nhân lực có kỹ năng nghề phục vụ phát triển kinh tế xã hội, tăng năng lực cạnh tranh thu hút đầu tư của tỉnh.

Cơ cấu ngành, nghề đào tạo đã từng bước được điều chỉnh theo cơ cấu ngành nghề trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; thực hiện đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp. Học sinh, sinh viên sớm được tiếp cận và thực tập tại các doanh nghiệp nên trình độ tay nghề được nâng cao. Người học không chỉ được đào tạo kỹ năng nghề mà còn được học các kỹ năng mềm về tin học, ngoại ngữ, tác phong, kỷ luật lao động, ý thức lao động, giao tiếp...

4.3. Việc thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị

UBND tỉnh đã thực hiện tốt việc chỉ đạo các đơn vị thực hiện tự chủ; khuyến khích năng lực chủ động, sáng tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tăng cường sự tham gia của các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động trong phát triển giáo dục nghề nghiệp. Việc phân cấp, giao quyền tự chủ đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Năm 2024, tỷ lệ tự chủ về chi thường xuyên giao cho các trường: Cao đẳng Kỹ thuật Công - Nông nghiệp là 100%, Trung cấp Du lịch và Công nghệ số 9 là 92%, Cao đẳng Nghề Quảng Bình là 55%, Cao đẳng Y tế Quảng Bình là 30%. Các cơ quan

⁹ Chương trình hành động số 04-CTr/TU ngày 9/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nguồn nhân lực và nâng cao chất lượng công tác cán bộ giai đoạn 2020 - 2025; Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2022- 2025; Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 18/3/2020 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch “Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2020...

¹⁰Tỷ lệ lao động sau đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng có việc làm chiếm 80%, có một số ngành nghề đạt 100%; tỷ lệ lao động sau đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng có việc làm, có thêm việc làm và thu nhập đạt từ 76%; tỷ lệ lao động sau đào tạo các nghề phi nông nghiệp đạt hơn 80%.

quản lý nhà nước đã thực hiện hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và hỗ trợ, tạo mọi điều kiện trong khuôn khổ pháp lý nhằm giúp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện đầy đủ quyền lợi và trách nhiệm của đơn vị trong thực hiện tự chủ.

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đổi mới cơ chế tài chính theo hướng tự chủ; đa dạng hóa các nguồn thu, nhận đặt hàng đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng cho các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ. Đẩy mạnh liên kết đào tạo, nắm bắt kịp thời nhu cầu thị trường, tổ chức linh hoạt, đa dạng hình thức đào tạo; mở rộng hợp tác quốc tế và đào tạo học sinh nước ngoài; huy động các nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để tranh thủ các nguồn kinh phí về học bổng, cơ sở vật chất, trang thiết bị, cơ sở thực hành, thực tập phục vụ đào tạo; tăng cường các hoạt động dịch vụ trong nhà trường, cùng với xây dựng mối quan hệ Nhà trường - Doanh nghiệp. Từ nguồn vốn của Trung ương và địa phương, huy động xã hội hóa, các cơ sở GDNN đã trang bị được nhiều cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo hiện đại, đặc biệt là các nghề trọng điểm, các nghề đào tạo cho lao động nông thôn.

5. Việc thực hiện các Nghị quyết của HĐND về giáo dục và đào tạo.

Từ năm 2020 đến tháng 3/2024, Hội đồng nhân dân tỉnh (HĐND) đã ban hành 18 Nghị quyết để thực hiện công tác quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo¹¹. Trên cơ sở các Nghị quyết của HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND cấp huyện đã ban hành các văn bản hướng dẫn, triển khai thực hiện nghị quyết. Các Nghị quyết của HĐND tỉnh được triển khai thực hiện đúng quy định, kinh phí thực hiện được bố trí đầy đủ. Việc ban hành các Nghị quyết đã tạo hành lang pháp lý, chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển giáo dục - đào tạo, một số nghị quyết đã được các cơ sở giáo dục, phụ huynh học sinh đồng tình ủng hộ và đánh giá cao; khuyến khích học sinh, sinh viên đồng bào dân tộc thiểu số đến trường như Nghị quyết số 46/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023; khắc phục tình trạng lạm thu, công khai minh bạch các khoản đóng góp trong nhà trường như Nghị quyết số 48/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 ...

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Việc triển khai, cụ thể hóa các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, của Tỉnh ủy, Nghị quyết của HĐND tỉnh; đề án, chương trình, kế hoạch của UBND tỉnh về lĩnh vực giáo dục và đào tạo trong thời gian qua cơ bản được thực hiện nghiêm túc, kịp thời, có hiệu quả, đúng quy định pháp luật. Quy mô trường, lớp học trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định, đáp ứng nhu cầu học tập; công tác rà soát, sắp xếp, quy hoạch mạng lưới trường lớp, đầu tư cơ sở vật chất

¹¹ Gồm: 6 nghị quyết về học phí; 01 nghị quyết về bãi bỏ các nghị quyết về học phí; 4 nghị quyết về bổ sung biên chế, quyết định số lượng hợp đồng lao động giảng dạy tại các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập; 6 nghị quyết đặc thù ban hành các chính sách hỗ trợ đối với giáo dục - đào tạo

trường học, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia thực hiện theo lộ trình, từng bước được tăng cường theo hướng chuẩn hóa. Cơ cấu tổ chức của các cơ sở giáo dục – đào tạo từng bước được kiện toàn theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối, tổ chức bên trong, giảm cấp phó, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động; biên chế ngành giáo dục - đào tạo cơ bản được quản lý chặt chẽ và sử dụng đúng quy định; đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp học được củng cố, kiện toàn về số lượng và chất lượng. Việc phân bổ, quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp giáo dục và đào tạo, các chế độ chính sách cho giáo viên, học viên, học sinh được đảm bảo thực hiện đúng quy định; việc triển khai phân bổ, sử dụng và quản lý vốn đầu tư phát triển cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh đảm bảo chặt chẽ và hiệu quả; công tác xã hội hóa giáo dục, thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo được quan tâm. Chất lượng giáo dục đại trà và chất lượng mũi nhọn có bước tiến bộ vững chắc, dần đi vào thực chất, phản ánh đúng chất lượng của các địa phương, đơn vị; phẩm chất và năng lực học sinh được hình thành và phát triển phù hợp với chủ trương đổi mới và xu thế của xã hội. Công tác đào tạo và quản lý giáo dục nghề nghiệp được quan tâm chỉ đạo, có chuyển biến tích cực; các chính sách về đào tạo nghề được triển khai đồng bộ, có hiệu quả.

2. Tồn tại, hạn chế

2.1. Về tổ chức bộ máy, quy mô mạng lưới trường lớp của các cơ sở giáo dục- đào tạo

- Biên chế sự nghiệp giáo dục - đào tạo còn thiếu so với định mức do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định¹²; tỷ lệ giáo viên/lớp tại nhiều địa phương chưa đảm bảo theo quy định¹³; tình trạng thừa thiếu cục bộ giáo viên ở một số trường đối với một số môn học vẫn chưa được giải quyết triệt để. Mặc dù hằng năm ngành giáo dục và đào tạo được giao bổ sung biên chế sự nghiệp giáo dục nhưng các đơn vị, địa phương không thực hiện tuyển dụng để dự phòng nguồn cho tinh giản biên chế.

- Thiếu nguồn tuyển dụng giáo viên, nhất là đối với các môn bắt buộc mới để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 như môn Tin học và công nghệ, Ngoại ngữ ở cấp TH; các môn tích hợp (môn Lịch sử và Địa lý, Khoa học tự nhiên) ở cấp THCS; Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật) cấp THCS, THPT¹⁴.

¹² Biên chế sự nghiệp cần có theo định mức do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định là 19.485 biên chế, số được giao 16.569 biên chế (còn thiếu 2.916 biên chế tương ứng 15%) và 1.144 chỉ tiêu giáo viên hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP, thì số giáo viên còn thiếu 1.772 biên chế (tương ứng 9,1%). Nếu tính cả số hợp đồng để bù đắp thiếu hụt do biên chế sự nghiệp được giao chưa sử dụng là 350 giáo viên, thì số biên chế còn thiếu là 1.422 biên chế (tương ứng 7,3%).

¹³Tỷ lệ giáo viên/ lớp MN là 2,04; TH 1,37, THCS 1,83; THPT 2,23 (Theo quy định Điều lệ trường học Tỷ lệ giáo viên trên lớp đối với cấp mầm non là 2,2; Tiểu học là 1,5; cấp THCS 1,9; cấp THPT là 2,25).

¹⁴Bậc TH, nhu cầu môn tin học cần 207 giáo viên, hiện có 38 giáo viên biên chế và 130 giáo viên hợp đồng, còn thiếu 39 giáo viên; bậc THCS chưa có giáo viên được đào tạo bậc cử nhân môn tích hợp, giáo viên dạy các môn tích hợp được bồi dưỡng bổ sung kiến thức nên chưa đảm bảo chất lượng giảng dạy

- Một số địa phương, cơ sở giáo dục công lập vẫn duy trì hợp đồng giáo viên để bù đắp thiếu hụt do biên chế sự nghiệp được giao chưa sử dụng (hợp đồng theo Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 của Chính phủ về giải pháp đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế¹⁵) ngoài số lượng hợp đồng giáo viên do HĐND tỉnh phê duyệt theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ là chưa phù hợp, ảnh hưởng chất lượng đội ngũ giáo viên.

- Việc hợp nhất trường TH với trường THCS thành trường liên cấp góp phần tinh giản bộ máy, giảm đầu mối, tuy nhiên vẫn bộc lộ một số bất cập như: Hầu hết các trường đã hợp nhất hai cấp TH và THCS vẫn hoạt động tương đối độc lập do chuyên môn khác nhau, cấp TH thường thực hiện bán trú trong khi cấp THCS thì không, giờ học các cấp học không đồng nhất nên việc tổ chức sinh hoạt tập thể rất khó do học sinh hai cấp học khác nhau về lứa tuổi, tâm sinh lý; sau hợp nhất, một số trường đã phát sinh thêm điểm trường, một số giáo viên, nhân viên phải làm việc tại hai điểm trường như giáo viên Tổng phụ trách Đội, nhân viên Thư viện, nhân viên Y tế; chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo khi giáo viên THCS được bố trí dạy thêm môn học ở TH chưa được quy định nên ảnh hưởng đến quyền lợi của người dạy¹⁶.

- Số lớp ghép vẫn còn nhiều, chủ yếu là học sinh lớp 1, 2 không về học tại trường chính. Tỷ lệ huy động trẻ mầm non trong độ tuổi đến trường nhiều địa phương chưa đảm bảo kế hoạch, đặc biệt trẻ nhà trẻ (12-36 tháng tuổi) vì thiếu biên chế giáo viên (huyện Bố Trạch chỉ đạt 15,8/24.5% mức TB của tỉnh). Tỷ lệ học sinh đồng bào DTTS tốt nghiệp THCS tuyển sinh vào học tại Trường Dân tộc nội trú tỉnh còn thấp¹⁷.

- Từ năm 2022 đến nay tỉnh ta chưa tổ chức thi, xét thăng hạng viên chức ngành giáo dục đã ảnh hưởng quyền lợi của một bộ phận giáo viên đủ điều kiện thi, xét để được thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Việc bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương giáo viên theo quy định mới¹⁸ thực hiện chưa đồng bộ

hoặc bố trí 2-3 giáo viên dạy 01 môn tích hợp; hiện cả tỉnh có 05 giáo viên âm nhạc, 05 giáo viên mỹ thuật ở 05 trường THCS và THPT, các trường phổ thông còn lại không có giáo viên 02 môn này.

¹⁵ Tại thời điểm giám sát đang thực hiện 350 hợp đồng, gồm: huyện Minh Hóa thực hiện 40 hợp đồng, huyện Tuyên Hóa 23 hợp đồng, huyện Quảng Trạch là 15 hợp đồng, thị xã Ba Đồn 39 hợp đồng, huyện Bố Trạch 101 hợp đồng, thành phố Đồng Hới 25 hợp đồng, huyện Quảng Ninh 52 hợp đồng, huyện Lệ Thủy 55 hợp đồng.

¹⁶Theo khoản 1 Mục II Thông tư liên tịch 01/2006/TTLT-BGD&ĐT-BNV-BTC về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo quy định: Mức phụ cấp 30% áp dụng đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông ở đồng bằng, thành phố, thị xã; Mức phụ cấp 35% áp dụng đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các trường mầm non, tiểu học ở đồng bằng, thành phố, thị xã; các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, ở miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa; Mức phụ cấp 50% áp dụng đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các trường mầm non, tiểu học ở miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa.

¹⁷Năm học 2023 - 2024, có 590 học sinh đồng bào DTTS tốt nghiệp THCS, trong đó có 290 học sinh dự thi tuyển sinh vào lớp 10, kết quả có 230 học sinh trúng tuyển vào lớp 10 (chiếm 38,98%).

¹⁸Tại các Thông tư số 01, 02, 03, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy

trong toàn tỉnh; đến nay các huyện Minh Hóa, Bố Trạch và thị xã Ba Đồn chưa thực hiện xong, huyện Quảng Trạch chưa thực hiện.

2.2. Về chất lượng giáo dục - đào tạo; quản lý việc dạy thêm, học thêm

- Vẫn còn có sự chênh lệch khá lớn về chất lượng giáo dục giữa các vùng miền. Việc triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018 còn gặp nhiều khó khăn như: Cơ sở vật chất còn thiếu; tỷ lệ số lượng trang thiết bị phục vụ dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 so với danh mục trang thiết bị dạy học tối thiểu còn thấp so với quy định; có một số quy định mới, đặc biệt là bộ môn tích hợp ở bậc THCS, đã gây khó khăn cho nhà trường trong việc bố trí giáo viên, khó sắp xếp thời khóa biểu; thời gian dành cho việc tập huấn sử dụng sách giáo khoa mới thời lượng còn ít.

- Việc phát hành, in ấn Tài liệu giáo dục địa phương theo Chương trình giáo dục 2018 còn chậm, ảnh hưởng đến việc nghiên cứu, học tập của giáo viên và học sinh.

- Tình trạng dạy thêm, học thêm không đúng quy định vẫn còn xảy ra; một số nơi giáo viên dạy chính khóa vẫn tổ chức dạy thêm cho học sinh ngoài nhà trường, tổ chức dạy thêm cho học sinh tiểu học,...

- Công tác phân luồng học sinh còn bất cập; chỉ tiêu phân luồng học sinh được đề ra trong kế hoạch thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 -2025” còn cao so với nhu cầu thực tiễn.

- Công tác thanh tra, kiểm tra ở một số địa phương chưa thường xuyên, toàn diện mà nặng về quản lý tài chính và thực hiện chuyên môn. Chính quyền cơ sở chưa chú ý kiểm tra các hoạt động liên quan đến giáo dục ở ngoài trường học; chưa quan tâm xử lý dứt điểm các bất cập, vướng mắc, vi phạm đã phát hiện¹⁹.

2.3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị; phân bổ, quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước và huy động các nguồn lực trong hoạt động giáo dục - đào tạo.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học ở các cơ sở giáo dục phần lớn chỉ đáp ứng ở mức tối thiểu để phục vụ hoạt động dạy và học; bộ thiết bị dạy học theo Chương trình GDPT 2018 so với danh mục thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định một số môn đạt thấp. Tại một số địa phương, nhiều trường học trong lộ trình xây dựng trường chuẩn quốc gia nhưng chưa đảm bảo các tiêu chí theo quy định²⁰.

trong các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập và Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều các Thông tư số 01, 02, 03, 04/2021/TT-BGDĐT.

¹⁹Việc thừa thiếu giáo viên; việc bảo đảm kinh phí để thực hiện kịp thời các chế độ cho giáo viên và học sinh; việc làm thu và dạy thêm không đúng quy định...

²⁰ như: Quy mô không đảm bảo; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học thiếu đồng bộ, hư hỏng và xuống cấp; phòng học bộ môn, phòng chức năng, nhà đa năng, công trình vệ sinh giáo viên và học sinh, nhà xe, sân chơi, bãi tập vừa thiếu, vừa chưa đảm bảo quy định về diện tích, quy cách. Một số Trường Cao đẳng

- Chi cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo để bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công theo Thông tư số 65/2021/TT-BTC còn dàn trải, thiếu hợp lý, thiếu tập trung; cơ sở vật chất tại một số trường mặc dù được đầu tư, xây dựng với kinh phí lớn như bể bơi, nhà thi đấu đa năng... nhưng chưa được khai thác, sử dụng có hiệu quả. Việc phân bổ ngân sách đầu tư công cho các cơ sở đào tạo nghề, các cơ sở giáo dục thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện trong giai đoạn 2021-2025 chưa được quan tâm đúng mức.

- Nhiều cơ sở giáo dục còn thiếu phòng học theo quy định; có nhiều phòng học tạm, phòng học xuống cấp cần đầu tư sửa chữa; một số trường còn thiếu nhà vệ sinh cho học sinh, giáo viên, nhà công vụ cho giáo viên²¹... Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia còn thấp so với chỉ tiêu kế hoạch của tỉnh; nhiều trường đã quá thời hạn công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục và đạt chuẩn quốc gia nhưng không được đầu tư xây dựng đáp ứng với Bộ tiêu chuẩn mới về cơ sở vật chất để được đánh giá công nhận lại. Tính đến hết Quý I năm 2024, có 77/552 trường quá hạn Kiểm định chất lượng giáo dục, chiếm tỷ lệ 13,9%; có 133/552 trường quá hạn chuẩn quốc gia, chiếm tỷ lệ 24,1%.

- Công tác xã hội hóa cho lĩnh vực giáo dục chưa được quan tâm đúng mức, chủ yếu mới huy động đóng góp của phụ huynh, học sinh, chưa huy động được nhiều nguồn lực trong xã hội để đầu tư cơ sở vật chất cho giáo dục; chưa ban hành chính sách khuyến khích, phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập.

- Thời gian qua, ngân sách tỉnh phải bố trí để hỗ trợ việc miễn, giảm học phí cho các cơ sở giáo dục đào tạo; chi trả lương và các chế độ khác cho việc hợp đồng giáo viên theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc đầu tư cơ sở vật chất trường, lớp học và thực hiện các đề án cải cách giáo dục khác.

- Kinh phí hỗ trợ nhân viên nấu ăn tại các trường mầm non công lập theo quy định còn thấp; chưa có chính sách hỗ trợ trực trưa cho giáo viên vùng đặc biệt khó khăn dạy 2 buổi/ngày. Việc thực hiện chế độ, chính sách đối với giáo viên dạy các lớp có học sinh khuyết tật còn hạn chế, đến nay một số địa phương chưa thực hiện chi trả.

2.4. Việc thực hiện chính sách, pháp luật về đào tạo nghề

- Công tác tuyển sinh của các trường trung cấp, cao đẳng, các Trung tâm GDNN - GDTX cấp huyện còn khó khăn; nguồn lực đầu tư cho đào tạo nghề còn

còn thiếu ký túc xá, khu thể dục thể thao, thư viện, các phòng học đa chức năng nên chưa thu hút được học sinh, sinh viên tham gia học nghề.

²¹Toàn tỉnh có 681 phòng học, 486 phòng công vụ của giáo viên cần đầu tư sửa chữa; số trường có nhà vệ sinh cho học sinh đạt chuẩn theo quy định là 2.187 nhà, chiếm 81,79%, số trường có nhà vệ sinh cho học sinh không đạt chuẩn theo quy định là 520 nhà, chiếm 19,21%; số trường chưa đảm bảo đủ nhà vệ sinh cho học sinh theo quy định là 291 trường, chiếm 51,1%; số nhà vệ sinh còn thiếu của giáo viên là 476 nhà

hạn chế, mới tập trung ở một số trường có nghề trọng điểm; các Trung tâm GDNN-GDTX cơ sở vật chất, trang thiết bị thiếu nhiều, xuống cấp, chưa đáp ứng nhu cầu tối thiểu cho công tác dạy, học; thiếu kinh phí để xây dựng chương trình giáo trình một số nghề mới; một số chương trình đã ban hành nhưng chưa được cập nhật kiến thức, công nghệ mới hằng năm; thiếu giáo viên cơ hữu; tuyển sinh học sinh học văn hoá hệ GDTX thấp; chất lượng đào tạo một số nghề chưa đạt yêu cầu đề ra, kỹ năng thực hành của người lao động chưa đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông thôn.

- Kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giải ngân còn chậm, tỷ lệ giải ngân đạt thấp²².

- Việc chậm ban hành đơn giá dịch vụ đào tạo nghề trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp, dưới 3 tháng đã ảnh hưởng đến hoạt động của các cơ sở đào tạo nghề, nhất là đối với các đơn vị đã tự chủ chi thường xuyên.

2.5. Việc thực hiện các Nghị quyết của HĐND về giáo dục và đào tạo.

Việc triển khai thực hiện một số Nghị quyết của HĐND tỉnh liên quan đến lĩnh vực giáo dục còn có những khó khăn, bất cập:

- Nghị quyết số 46/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình về quy định mức hỗ trợ tăng thêm tiền ăn cho học sinh học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú và hỗ trợ chi phí sinh hoạt cho sinh viên là người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Bình: mức hỗ trợ tiền ăn tăng thêm cho học sinh dân tộc nội trú 600.000 đồng/tháng là vẫn còn thấp so với tình hình thực tế; chưa có đối tượng học sinh là người dân tộc thiểu số học trình độ trung cấp tại các trường cao đẳng được hưởng chính sách giống sinh viên người dân tộc thiểu số học trình độ cao đẳng.

- Nghị quyết số 48/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, qua triển khai thực hiện có một số khoản thu không phù hợp cần xem xét điều chỉnh: Mục thuê khoán người nấu ăn trưa cho trẻ, học sinh học hai buổi/ngày để trả lương cho nhân viên nấu ăn tại các trường mầm non và tiền học phẩm trẻ mầm non còn thấp, không đảm bảo đời sống cô nuôi, nhu cầu học tập của trẻ mầm non.

3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

3.1. Nguyên nhân khách quan

²²Tính đến 31/5/2024: Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tỷ lệ giải ngân đạt 6,79%; Chương trình MTQG phát triển KT - XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, tỷ lệ giải ngân đạt 41,45%.

- Nội dung một số văn bản quy phạm pháp luật chưa đảm bảo tính đồng bộ và phù hợp với thực tiễn, có nhiều thay đổi, có một số nội dung mới chưa kịp thời bổ sung nên các cơ sở giáo dục còn lúng túng khi tổ chức hoạt động²³.

- Việc thực hiện lộ trình tinh giản 5% công chức và 10% viên chức trong giai đoạn từ 2022 - 2026 chưa thực sự phù hợp đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo dẫn đến tình trạng thiếu biên chế do tăng lớp, tăng học sinh.

- Do yêu cầu tinh giản biên chế, hằng năm nhiều địa phương phải cắt giảm số lượng giáo viên, nhân viên ở các cơ sở giáo dục, trong khi số lượng học sinh tăng qua các năm, dẫn đến số lượng học sinh/lớp và định mức giáo viên/lớp chưa đảm bảo quy định. Việc thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 trong khi chưa có sự chuẩn bị về nguồn giáo viên dạy các môn học mới cùng với việc không tuyển dụng mới (để thực hiện tinh giản biên chế) đã dẫn đến tình trạng thiếu giáo viên, nhất là đối với những môn học mới.

- Điều kiện khí hậu tỉnh ta khắc nghiệt ảnh hưởng đến chất lượng công trình xây dựng nhanh xuống cấp, nhất là ảnh hưởng của trận lụt lịch sử năm 2020 đến nhiều trường tại một số địa phương làm hư hại nhiều công trình, thiết bị giáo dục. Các huyện miền núi, địa bàn rộng, điều kiện kinh tế xã hội, giao thông đi lại còn khó khăn, dân cư sinh sống không tập trung, các điểm trường ở xa trung tâm xã, quy mô nhỏ lẻ, việc bố trí số học sinh/lớp chưa đảm bảo theo quy định, số lượng điểm trường, lớp ghép còn nhiều làm ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học.

- Tính ổn định của hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP chưa cao, theo quy định thời hạn ký kết không quá 12 tháng, nên công tác tuyển dụng tại một số địa phương còn khó khăn, chưa đạt chỉ tiêu được giao²⁴.

- Nguồn kinh phí đầu tư cho lĩnh vực GD&ĐT của tỉnh chủ yếu từ NSNN, trong điều kiện ngân sách tỉnh ta còn khó khăn, do đó việc bố trí nguồn kinh phí

²³ - Còn thiếu hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của mô hình trường liên cấp nên các trường sau khi sáp nhập, hợp nhất còn lúng túng trong tổ chức quản lý, điều hành hoạt động;

- Quy định về đánh giá giáo viên tại Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông còn nhiều bất cập, nhiều nội dung trùng với đánh giá viên chức cuối năm, một số nội dung rất khó để giáo viên đưa ra minh chứng xác thực, phù hợp (như nhóm tiêu chuẩn số 04 Phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội).

- Việc quản lý giáo viên dạy thêm ngoài nhà trường còn gặp nhiều khó khăn, do sau khi công bố hết hiệu lực một số điều của Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT, Bộ Giáo dục và Đào tạo không có văn bản hướng dẫn, chỉ đạo mới về việc quản lý, tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm, vì vậy, cơ quan quản lý không có căn cứ để hướng dẫn, chỉ đạo và thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm liên quan những quy định này.

- Theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT, tại khoản 2 Điều 5 quy định trường mầm non có quy mô tối thiểu 9 nhóm, lớp, tối đa 20 nhóm, lớp, trường tại các xã thuộc vùng khó khăn tối thiểu 5 nhóm, lớp; tại khoản 2 Điều 9 quy định trường tiểu học có quy mô tối thiểu 10 lớp, tối đa 30 lớp, trường tại các xã thuộc vùng khó khăn tối thiểu 05 lớp; tại khoản 2 Điều 13 quy định trường THCS tối thiểu 8 lớp, tối đa 45 lớp, nhiều địa phương khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa không có quy mô nhóm, lớp như quy định trên, như vậy rất khó được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia.

²⁴ Còn 102 chỉ tiêu hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP chưa tuyển dụng được trong tổng số 1.144 chỉ tiêu được HĐND tỉnh giao.

đề ban hành chế độ, chính sách đặc thù của tỉnh để thu hút, động viên đội ngũ giáo viên; đầu tư xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, cơ sở vật chất, phòng học, phòng chức năng, phòng ở của giáo viên, học sinh, công trình phụ trợ, trang thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi, công tác tập huấn, bồi dưỡng để đáp ứng yêu cầu Chương trình GDPT mới còn hạn chế.

- Tâm lý xã hội vẫn coi trọng bằng cấp, chưa thật sự nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của giáo dục nghề nghiệp; mặt khác, sau khi tốt nghiệp THCS các em đang ở tuổi vị thành niên nên đa số phụ huynh không muốn con đi học xa gia đình, trong khi các Trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện chưa có nhà nội trú, quy mô về nhân lực và cơ sở vật chất còn rất hạn chế, nên gặp nhiều khó khăn trong việc thu hút học sinh đến học văn hóa-nghề tại các trung tâm này. Các Trường đào tạo nghề trên địa bàn có cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, chương trình đào tạo và các điều kiện sinh hoạt của học viên chưa đáp ứng yêu cầu của xã hội nên chưa thu hút học sinh tốt nghiệp THCS tham gia học nghề.

- Các khu kinh tế trọng điểm, khu công nghiệp, cụm tiểu thủ công nghiệp, sản xuất chế biến nông - lâm sản, dịch vụ du lịch trên địa bàn tỉnh chưa phát triển mạnh để thu hút, sử dụng nhiều lao động được đào tạo trong tỉnh vào làm việc.

- Do còn nhiều vướng mắc, chông chéo trong các quy định của trung ương nên các nguồn vốn hỗ trợ đào tạo nghề từ các chương trình mục tiêu quốc gia còn chậm giải ngân, thực hiện hoặc không đủ điều kiện để giải ngân, thực hiện. Đặc điểm địa hình, mật độ dân số, điều kiện kinh tế xã hội của các huyện, xã miền núi có nhiều khó khăn, đặc thù nên việc huy động nguồn lực, đảm bảo cho công tác giáo dục - đào tạo sẽ khó thực hiện hơn các địa phương khác.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa quan tâm đúng mức, chưa sát sao trong công tác QLNN về giáo dục trên địa bàn; công tác tham mưu của một số trường học đối với cấp ủy, chính quyền cấp xã và cấp trên đối với công tác giáo dục có lúc chưa chủ động, chưa kịp thời.

- Một bộ phận cán bộ quản lý, giáo viên còn hạn chế về năng lực quản lý, chuyên môn nghiệp vụ, năng lực sư phạm; việc thực hiện quy chế dân chủ tại một số đơn vị trường học chưa đảm bảo; một số trường học còn xem nhẹ công tác kiểm định chất lượng giáo dục.

- Công tác phối hợp tham mưu của một số sở, ngành còn hạn chế, chưa chặt chẽ: Trong việc xây dựng chỉ tiêu trường đạt chuẩn quốc gia, phân luồng học sinh, sắp xếp tổ chức bộ máy, thời điểm giao số lượng hợp đồng giáo viên theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

- Nhiều địa phương việc huy động nguồn lực hiệu quả chưa cao, chưa quyết liệt trong việc phân bổ nguồn vốn cho các trường xây dựng cơ sở vật chất đạt chuẩn để được đánh giá công nhận. Công tác xã hội hóa chưa được quan tâm

đúng mức, có biểu hiện trông chờ vào nguồn đầu tư của nhà nước. Ngân sách đầu tư công của tỉnh bố trí cho các địa phương để đầu tư cho giáo dục cũng như xây dựng trường chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025 và từng năm còn hạn hẹp; một số huyện có thu ngân sách hằng năm thấp còn gặp nhiều khó khăn trong bố trí kinh phí đầu tư cho ngành giáo dục.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Với Quốc hội, Chính phủ và các bộ, ngành liên quan

*** Đối với Quốc hội, Chính phủ**

- Đề nghị Quốc hội, Chính phủ xem xét có chính sách tinh giản biên chế phù hợp với tình hình thực tế, tính chất hoạt động của từng ngành, lĩnh vực và mức độ tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, theo đó đề nghị thực hiện tinh giản biên chế 10%²⁵ đối với nhóm 3 (được quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập). Đối với những đơn vị sự nghiệp công lập thuộc nhóm 4 và ngành giáo dục thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023, nhằm bảo đảm định mức giáo viên, học sinh/lớp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đề nghị Chính phủ xem xét sửa đổi Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập, theo hướng quy định ngân sách Trung ương cấp bù cho các tỉnh có nguồn thu chưa đảm bảo chi thường xuyên mà có hợp đồng giáo viên để giảm áp lực chi đối với các tỉnh này.

- Đề nghị Chính phủ, các bộ ngành quan tâm hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo cho các cơ sở giáo dục và đào tạo tại các địa phương chưa cân đối được ngân sách chi thường xuyên như tỉnh Quảng Bình. Mở rộng đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo, miễn giảm học phí, nhất là hỗ trợ đào tạo lại cho lao động trong các doanh nghiệp và hỗ trợ đào tạo nghề cho các đối tượng thuộc hộ vừa thoát nghèo, cận nghèo để thu hút học sinh, người lao động tham gia học nghề; đề nghị tăng mức hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng cho người lao động (mức hỗ trợ hiện nay được ban hành từ năm 2009 không còn phù hợp).

- Đề nghị Chính phủ chỉ đạo việc phân cấp quản lý công tác dạy thêm, học thêm cho các bộ, ngành, địa phương; có hướng dẫn cụ thể trong việc quản lý hoạt động dạy thêm.

- Đề nghị Chính phủ chỉ đạo ban hành quy định việc in ấn và phát hành tài liệu giáo dục địa phương do hiện nay các địa phương chưa thể in ấn, phát hành tài liệu vì còn vướng các quy định của pháp luật.

²⁵Theo Kết luận số 40-KL/TW, ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026.

- Hiện nay, xu hướng học sinh vừa tham gia chương trình đào tạo trung cấp vừa tham gia học chương trình THPT hệ thường xuyên là rất lớn và phù hợp với năng lực của nhiều học sinh, nhưng theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp chương trình đào tạo trung cấp tối đa chỉ 2 năm, trong khi chương trình THPT hệ thường xuyên là 3 năm; do đó, các Trường Trung cấp, Cao đẳng gặp một số khó khăn khi bố trí chương trình đào tạo phù hợp với đối tượng này. Vì vậy, đề nghị Chính phủ trình Quốc hội sửa đổi Luật Giáo dục nghề nghiệp, Luật Giáo dục quy định về thời gian chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề và THPT hệ thường xuyên phù hợp, bảo đảm thời gian học nghề và văn hóa cân đối, tạo điều kiện thuận lợi cho người học.

- Đề nghị Chính phủ ban hành quy chế để quản lý chặt chẽ hơn về hoạt động của các trung tâm tư vấn du học do Nghị định số 135/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục đã bãi bỏ khoản 1, khoản 2, Điều 107 về điều kiện kinh doanh dịch vụ tư vấn du học nên các địa phương không có cơ sở để quản lý.

*** Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo**

- Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT quy định về số lượng nhóm, lớp làm cơ sở để xác định tiêu chuẩn tối thiểu của cơ sở giáo dục là cần thiết. Tuy nhiên, số lượng nhóm, lớp của trường phụ thuộc vào số lượng học sinh (số lượng học sinh phụ thuộc vào dân số của từng địa phương là yếu tố khách quan), do đó những trường có chất lượng giáo dục tốt, nhưng vì số lượng học sinh ít, không đảm bảo số lượng nhóm, lớp sẽ không được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia. Vì vậy, đề nghị sửa đổi Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT theo hướng, đối với các trường mầm non có đủ nhóm, lớp và có trên 50 học sinh, đối với các trường phổ thông có đủ các khối, lớp (chứ không phải 9 nhóm lớp đối với trường mầm non và 8 lớp đối với trường phổ thông như quy định hiện nay).

- Việc đánh giá giáo viên tại Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT có nhiều nội dung trùng với đánh giá viên chức hằng năm, có nội dung không phù hợp trong thực tiễn triển khai (như quy định về giáo viên đưa ra minh chứng cho nhóm tiêu chuẩn số 04 Phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội). Vì vậy, đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, sửa đổi quy định không phù hợp; đồng thời xem xét lồng ghép việc đánh giá theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT với đánh giá viên chức hằng năm nhằm giảm bớt áp lực đối với đội ngũ giáo viên.

- Xem xét quy định thống nhất về số lượng học sinh/lớp tại các Thông tư do bộ ban hành: Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT và Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học với Thông tư số

20/2023/TT-BGDĐT hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập²⁶.

- Hướng dẫn hoạt động đối với các trường liên cấp trên nguyên tắc tạo thuận lợi cho giáo viên và học sinh, phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của các địa phương, bảo đảm định mức học sinh/lớp, gắn với nâng cao chất lượng giáo dục; hướng dẫn sinh hoạt đối với tổ chuyên môn được sáp nhập từ nhiều tổ bộ môn khác nhau tại các Trường THCS, trường THPT.

- Phối hợp với Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn chi trả phụ cấp ưu đãi nghề đối với giáo viên trường THCS được bố trí dạy một số môn trường TH (dạy liên trường) hoặc giáo viên THCS dạy một số môn TH tại các trường TH và THCS.

- Phối hợp với các bộ, ngành liên quan sửa đổi một số quy định tại Thông tư số 109/2009/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009 về hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường dự bị đại học dân tộc vì không còn phù hợp với thực tiễn (như chế độ học bổng, hỗ trợ chi phí học tập, các chế độ khác như: tiền thưởng, trang cấp hiện vật cho học sinh, tiền tàu xe...) các chính sách này ban hành quá lâu, không còn phù hợp với thực tiễn và đảm bảo đời sống của các em.

*** Đối với Bộ Nội vụ**

- Tham mưu sửa đổi quy định về số lượng cấp phó các đơn vị sự nghiệp công lập tại điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ để phù hợp với thực tế quy mô số lớp, học sinh của các trường học, thuận lợi cho công tác quản lý, chỉ đạo ở các trường học.

*** Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**

Đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có hướng dẫn cụ thể về đối tượng “người lao động có thu nhập thấp” nhằm tạo thuận lợi trong việc xác định đối tượng để có chính sách hỗ trợ đào tạo nghề theo quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

²⁶Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT và Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT quy định: bậc TH không quá 35 học sinh/lớp, bậc THCS, THPT không quá 45 học sinh/ lớp. Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT quy định:

“2. Số lượng học sinh/lớp theo vùng để làm căn cứ giao hoặc phê duyệt số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông như sau:

a) Vùng 1: Bình quân 25 học sinh/lớp đối với cấp tiểu học; bình quân 35 học sinh/lớp đối với cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông;

b) Vùng 2: Bình quân 30 học sinh/lớp đối với cấp tiểu học; bình quân 40 học sinh/lớp đối với cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông;

c) Vùng 3: Bình quân 35 học sinh/lớp đối với cấp tiểu học; bình quân 45 học sinh/lớp đối với cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông;”

2. Đối với UBND tỉnh

- Chỉ đạo rà soát, sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án có liên quan lĩnh vực GD&ĐT đã ban hành để kịp thời điều chỉnh, khắc phục những khó khăn, vướng mắc bất cập, hạn chế, chưa phù hợp với tình hình thực tế trong quá trình thực hiện; đồng thời đề xuất ban hành chính sách đối với lĩnh vực GD&ĐT khi thực sự cần thiết và có nguồn tài chính đảm bảo, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách của tỉnh.

- Chỉ đạo rà soát, đánh giá việc thực hiện một số Nghị quyết của HĐND tỉnh²⁷ đã ban hành nhằm kịp thời điều chỉnh, bổ sung, thay thế đảm bảo thực hiện khả thi, phù hợp với tình hình thực tế trong quá trình triển khai thực hiện.

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn nghiên cứu xây dựng chính sách đặc thù của tỉnh trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo như: Hỗ trợ học phí cho học sinh tiểu học, trẻ mầm non 5 tuổi tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập; thí điểm xây dựng mô hình trường công lập chất lượng cao²⁸ nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và giảm áp lực về biên chế; chính sách thu hút đội ngũ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp; chính sách hỗ trợ trực trưa cho giáo viên vùng đặc biệt khó khăn dạy 2 buổi/ngày; chính sách phát triển Trường THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp.

- Chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND cấp huyện ưu tiên tuyển dụng giáo viên đối với các môn bắt buộc mới thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 như môn Tin học và công nghệ, Ngoại ngữ, các môn tích hợp (môn Lịch sử và Địa lý, Khoa học tự nhiên), Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật, ...), nhất tại địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa để thu hút nguồn tuyển dụng, nhằm kịp thời giải quyết tình trạng thiếu giáo viên những môn học này²⁹.

- Chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội sơ kết, đánh giá hiệu quả của công tác phân luồng trong thời gian qua để tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh về chỉ tiêu, giải pháp phân luồng tại Kế hoạch số 936/KH-UBND ngày 14/6/2019 của UBND tỉnh đảm bảo phù hợp với thực tiễn của tỉnh.

- Chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo có giải pháp nâng tỷ lệ tuyển sinh học sinh đồng bào dân tộc thiểu số tốt nghiệp THCS tiếp tục học bậc THPT; xem xét nâng cấp 01 trường phổ thông dân tộc nội trú cấp huyện thành trường THCS và THPT dân tộc nội trú để tăng tuyển sinh con em đồng bào dân tộc thiểu số học

²⁷ Một số nghị quyết của HĐND tỉnh như: (1) Nghị quyết số 46/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023; (2) Nghị quyết số 48/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 ...

²⁸ Theo khoản 4 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

²⁹ Hiện nay, Sở GD&ĐT và 08 UBND cấp huyện còn 683 biên chế sự nghiệp cấp Mầm non và phổ thông chưa tuyển dụng như Sở Giáo dục và Đào tạo có 80 biên chế, huyện Minh Hóa có 104 biên chế, huyện Tuyên Hóa có 80 biên chế, huyện Bố Trạch 144 biên chế ...

bậc THPT, tạo nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Chỉ đạo Sở Nội vụ tham mưu tổ chức thi, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên phổ thông. Chỉ đạo UBND cấp huyện thực hiện dứt điểm bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương giáo viên theo quy định mới (các huyện Minh Hóa, Bố Trạch và thị xã Ba Đồn chưa thực hiện xong, huyện Quảng Trạch chưa thực hiện).

- Đề nghị UBND tỉnh tăng cường chỉ đạo việc phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo (đặc biệt trong giai đoạn dự toán ngân sách 2026-2030); bổ sung thêm một số gói chính sách hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện để giải quyết các vấn đề cấp bách về nâng cấp, sửa chữa trường lớp học, nhà vệ sinh và các công trình phụ trợ tại các trường học thuộc nhiệm vụ chi ngân sách cấp huyện nhưng không đáp ứng được. Tập trung huy động và bố trí nguồn lực từ các Chương trình MTQG, Chương trình, đề án ngành giáo dục, nguồn lực xã hội hóa giáo dục, các nguồn lực khác ngoài NSNN để đầu tư xây dựng các trường học, phòng học bộ môn, phòng chức năng, nhà đa năng, hệ thống phòng cháy, chữa cháy, nhà vệ sinh cho học sinh ... đảm bảo quy định về diện tích, quy cách, đảm bảo yêu cầu tối thiểu theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT và Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT về tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường học.

- Chỉ đạo rà soát, kiểm tra việc chậm giải ngân nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số hỗ trợ đào tạo nghề; xem xét đề xuất các giải pháp cho phép các địa phương chuyển một phần kinh phí thực hiện Tiểu dự án 1 của Dự án 4 của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Dự án 5 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số để thực hiện các nội dung khác (do kinh phí cấp để thực hiện đào tạo nghề cho đối tượng lao động chưa phù hợp, nhu cầu học nghề hạn chế, nên nguồn kinh phí không giải ngân hết).

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tham mưu ban hành đơn giá dịch vụ đào tạo nghề trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp, dưới 3 tháng để các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chủ động triển khai hoạt động.

- Có chủ trương thí điểm thực hiện cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo một số ngành, nghề trọng điểm, mũi nhọn từ nguồn ngân sách nhà nước theo địa chỉ và nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp nhằm khuyến khích con em trong tỉnh tham gia học nghề, cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

- Chỉ đạo Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với UBND thành phố Đồng Hới triển khai thực hiện Đề án sáp nhập 01 phần Trung tâm GĐTX-GDNN Đồng Hới về Trung tâm

GDTX tỉnh và 01 phân Trung tâm GDTX-GDNN Đồng Hới về Trường Cao đẳng Nghề hoàn thành trong quý 3 năm 2024, trước khi bước vào năm học 2024-2025 để thuận lợi cho công tác dạy học của các đơn vị.

3. Đối với Sở giáo dục và Đào tạo

- Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, rà soát những vướng mắc, bất cập trong các nghị định, thông tư của Chính phủ, các bộ ngành có liên quan để kiến nghị sửa đổi cho phù hợp.

- Quản lý chặt chẽ việc dạy thêm, học thêm; việc cấp phép và hoạt động của các Trung tâm ngoại ngữ, tư vấn du học.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra quản lý, giám sát chặt chẽ việc thực hiện các nghị quyết của HĐND tỉnh, nhất là Nghị quyết số 48/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; chấn chỉnh, xử lý nghiêm các trường hợp thu chi các khoản đóng góp không đúng quy định. Tham mưu sửa đổi Nghị quyết số 46/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh để nâng mức hỗ trợ tiền ăn cho học sinh các trường Phổ thông dân tộc nội trú và các nghị quyết còn vướng mắc, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện.

- Tham mưu UBND tỉnh có giải pháp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong: Tuyển dụng giáo viên tin học, ngoại ngữ; trong triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; giáo viên hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP và trong thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc mua sắm, quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học. Nâng cao chất lượng các công trình được đầu tư xây dựng như: Bể bơi, nhà thi đấu đa năng... có hướng dẫn khai thác, sử dụng có hiệu quả, tránh lãng phí.

- Căn cứ thực trạng thiếu giáo viên hiện nay xây dựng kế hoạch tuyển dụng cho từng năm và cho các giai đoạn tiếp theo, ưu tiên tuyển dụng biên chế sự nghiệp giáo viên đối với các môn bắt buộc mới thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, nhất tại địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa để thu hút nguồn tuyển dụng những môn học này.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục tại tất cả các cấp học. Đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng tập trung dạy cách học và tự học, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và khả năng vận dụng kiến thức của người học. Đổi mới hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục theo tiêu chí phát triển năng lực người học.

- Bảo đảm việc thực hiện chế độ, chính sách cho nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đúng, đủ và kịp thời nhất là đối với giáo viên người dân tộc thiểu số, giáo viên đang công tác ở vùng dân tộc thiểu số, các vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Tham mưu chính sách ưu đãi, tôn vinh, biểu dương nhà

giáo tiêu biểu; tạo môi trường sự phạm tốt để giáo viên phát huy được năng lực, khả năng, cống hiến cho sự nghiệp giáo dục.

- Phối hợp với các sở liên quan, UBND các huyện, thành phố, thị xã rà soát, sắp xếp hệ thống các trường phổ thông, biên chế của ngành giáo dục, bố trí nguồn lực cho giáo dục và việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chỉ đạo của cấp trên về lĩnh vực giáo dục. Tham mưu cho UBND tỉnh, hằng năm tiến hành tổng kết đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục của chính quyền cấp dưới.

- Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn kỹ năng lãnh đạo quản lý cho đội ngũ quản lý giáo dục, đặc biệt là hiệu trưởng các trường học.

- Nghiên cứu tham mưu chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 cho các trường THPT phù hợp để bảo đảm phân luồng học sinh đạt chỉ tiêu; đánh giá tác động của việc bỏ môn thi Ngoại ngữ trong kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2023-2024 để có cơ sở tham mưu, quy định số lượng môn thi tuyển sinh lớp 10 THPT các năm tiếp theo phù hợp, bảo đảm chất lượng giáo dục toàn diện.

4. Đối với sở, ngành liên quan

- Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ đầu tư công giai đoạn 2026-2030 cho ngành giáo dục và đào tạo đảm bảo hợp lý, hiệu quả. Trong đó, ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; xem xét bố trí một số gói chính sách hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện để giải quyết các vấn đề cấp bách về nâng cấp, sửa chữa trường lớp học, nhà vệ sinh và các công trình phụ trợ; đề án xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia tại các trường học thuộc nhiệm vụ chi ngân sách cấp huyện nhưng không đáp ứng được...

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh:

+ Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành, địa phương để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các trường nghề, trung tâm GDNN - GDTX, gắn kết chặt chẽ việc đào tạo nghề với nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực của doanh nghiệp.

+ Tăng cường tham mưu, hướng dẫn đẩy mạnh giải ngân nguồn vốn đào tạo nghề của Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Sở Nội vụ:

+ Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thành phố, thị xã căn cứ thực trạng thiếu giáo viên hiện nay thẩm định kế hoạch tuyển dụng cho từng năm và cho các giai đoạn tiếp theo, ưu tiên tuyển dụng biên chế sự nghiệp giáo viên đối với các môn bắt buộc mới thực hiện Chương trình giáo dục phổ

thông năm 2018, nhất tại địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa để thu hút nguồn tuyển dụng những môn học này.

+ Phối hợp với Sở Giáo dục và đào tạo hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố có giải pháp ưu tiên hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP đối với số giáo viên hợp đồng trong biên chế sự nghiệp được giao chưa tuyển dụng đang còn lại ở các địa phương, cơ sở giáo dục.

- Sở Tài chính: Nghiên cứu tham mưu tăng định mức phân bổ ngân sách chi thường xuyên cho các cơ sở giáo dục đào tạo; xem xét cấp bù kinh phí cho các trường không thu học phí từ học sinh.

5. Đối với UBND các huyện, thành, thị

- Rà soát lại việc thực hiện các Chương trình, Kế hoạch, Đề án về giáo dục thời gian qua, có giải pháp khắc phục các hạn chế tồn tại; kiến nghị cấp trên xem xét xử lý những vấn đề vượt thẩm quyền. Chủ động đề ra chương trình, kế hoạch tổng thể, dài hạn để phát triển giáo dục tại địa phương; tăng cường nguồn lực tài chính, bố trí đủ quỹ đất... bảo đảm cho phát triển giáo dục về lâu dài.

- Căn cứ thực trạng thiếu giáo viên hiện nay xây dựng kế hoạch tuyển dụng cho từng năm và cho các giai đoạn tiếp theo, ưu tiên tuyển dụng biên chế sự nghiệp giáo viên đối với các môn bắt buộc mới thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, nhất tại địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa để thu hút nguồn tuyển dụng những môn học này.

- Xây dựng kế hoạch trường đạt chuẩn quốc gia cả giai đoạn và từng năm học trình UBND tỉnh xem xét quyết định. Quan tâm hơn nữa đầu tư nguồn lực cho các trường trực thuộc để hoàn thiện tiêu chí về cơ sở vật chất, thiết bị theo quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT và Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT nhằm tăng số lượng trường được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia.

- Chỉ đạo thực hiện hoàn thành sáp nhập các đơn vị trường học trên địa bàn theo kế hoạch đã ban hành, đảm bảo đúng quy định, gắn với việc nâng cao chất lượng giáo dục, phù hợp với nhu cầu, điều kiện thực tế của cấp mình. Đồng thời, chỉ đạo các hoạt động giáo dục của các nhà trường sau sáp nhập đi vào nề nếp, thực hiện hiệu quả, tránh hoạt động hình thức, sáp nhập ghép cơ học; đồng thời, đưa ra khỏi quy hoạch những điểm trường không đảm bảo các điều kiện để sắp xếp.

- Đề nghị các địa phương khẩn trương thực hiện việc bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp loại giáo viên theo quy định mới (các huyện Minh Hóa, Bố Trạch và thị xã Ba Đồn chưa thực hiện xong, huyện Quảng Trạch chưa thực hiện).

- Chỉ đạo các trường thuộc quyền quản lý ưu tiên hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP đối với số giáo viên hợp đồng trong biên chế sự nghiệp được giao chưa tuyển dụng đang còn lại ở các địa phương, cơ sở giáo dục.

Trên đây là Báo cáo kết quả giám sát chuyên đề “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2020 - 2024” của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Các bộ: Giáo dục và Đào tạo; Nội vụ, Lao động-Thương binh và Xã hội;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban và các đại biểu HĐND tỉnh;
- Thành viên Đoàn giám sát;
- Các sở, ngành thuộc đối tượng giám sát;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP: ĐDBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. ĐOÀN GIÁM SÁT
TRƯỞNG ĐOÀN**

Nguyễn Công Huân